

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
**TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **670**/ĐS - KTKT

Hà Nội, ngày **30** tháng **3** năm 2021

V/v thực hiện công bố thông tin
năm 2020 của Tổng công ty ĐSVN
theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP.

Kính gửi:

- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư.

Thực hiện quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xin báo cáo như sau:

1. Tình hình SXKD và đầu tư phát triển năm 2020 và Kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2021 (Phụ lục IV).
2. Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp năm 2020 (Phụ lục VII);
3. Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp (Phụ lục X);

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam kính báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Bộ Kế hoạch và đầu tư xem xét cho ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Phát triển DN Bộ KHĐT;
- Hội đồng thành viên TCT ĐSVN (để b/c);
- Các Ban: TCKT, TCCB, KHKD;
- Ban Biên tập viên trang TTĐT;
- Lưu: VT, KTKT (03).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Sỹ Mạnh

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP
ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
MST: 0100105052

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021
HỢP CỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

I. TÌNH HÌNH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu (các chỉ tiêu thực hiện năm 2020 là số dự kiến và được so sánh với cùng kỳ năm 2019; chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 được tổng hợp trên cơ sở các chỉ tiêu Hội đồng thành viên giao cho Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty cổ phần và đã được điều chỉnh trong năm do ảnh hưởng của dịch COVID-19 kéo dài ngoài dự kiến).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh (%)	
				Kế hoạch	TH năm 2019
1	Sản lượng chủ yếu				
-	Tấn xếp	Tấn	5.102.435	117,3	99,5
-	Tấn KM	1000 Tấn Km	3.758.685	112,8	100,4
-	Hành khách lên tàu	Hành khách	3.790.532	94,0%	46,9%
-	Hành khách Km	1000 HK Km	1.515.743	93,6%	47,6%
2	Sản lượng hoạt động công ích (Quản lý, bảo trì KCHT ĐS quốc gia)	Triệu đồng	2.822.000	100	102,9
3	Doanh thu hợp nhất (gồm thu nội bộ của các Công ty CP)	Triệu đồng	6.649.888	107,3	79,4
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-1.327.924	94,7	-750,6
5	Nộp ngân sách nhà nước (theo dự toán thu chi NSNN)	Triệu đồng	280.093	72,4	71,3
6	- Vốn đầu tư phát triển	Triệu đồng	64.646	36,8	9,4
	+ Ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	64.111	83,1	13,7
	+ Tổng công ty	Triệu đồng	0	-	-
	- Vốn SNKT (đường ngang)	Triệu đồng	535	0,5	0,2

Ghi chú:

- Vốn đầu tư từ NSNN: Thực hiện đạt 83,1% kế hoạch do trả về NSNN phần vốn dự phòng của dự án;

- Vốn SNKT cho các công trình nâng cấp, cải tạo đường ngang: Thực hiện đạt 0,5% kế hoạch được Bộ GTVT giao tại Quyết định số 1857/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2020. Mặc dù Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Tổng công ty) đã tích cực, chủ động tổ chức triển khai thực hiện nhưng do nguồn vốn được Bộ GTVT giao muộn vào cuối năm nên thời gian còn lại quá ngắn, đồng thời lại phải chịu ảnh hưởng diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 và đợt mưa lũ cuối năm. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn phải làm rõ và điều chỉnh một số nội dung liên quan đến hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình do Cục ĐSVN lập và phê duyệt. Đến 31/12/2020, trong tổng số 17 công trình nâng cấp cải tạo đường ngang năm 2020 được Cục ĐSVN phê duyệt đầu tư, Tổng công ty mới tổ chức ký hợp đồng thi công 01 công trình, 16 công trình nâng cấp, cải tạo đường ngang còn lại năm 2020 đã không hoàn thành các thủ tục, ký hợp đồng mua sắm thiết bị và tổ chức thi công theo quy định trước ngày 31/12/2020.

2. Đầu tư phát triển.**a. Vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách Nhà nước:**

Nguồn vốn được giao theo kế hoạch năm 2020 (bao gồm cả kéo dài năm 2019) cho 2 dự án chuyển tiếp thực hiện đầu tư là 77,163 tỷ đồng, tình hình thực hiện như sau:

- Công trình Cải tạo nâng cấp các cầu yếu trên tuyến Đường sắt thống nhất: Dự toán và Thiết kế được Bộ GTVT duyệt vào tháng 6/2020, vì vậy sau khi tổ chức lựa chọn nhà thầu đến đầu tháng 8/2020 mới khởi công và phải hoàn thành gấp trước 31/12/2020 để kịp hoàn thành 4 cầu trong năm 2020;

- Công trình 1856 theo lệnh khẩn cấp: Do công việc rải rác và phụ thuộc vào công tác di chuyển GPMB của dân nên gặp nhiều khó khăn chậm tiến độ. Tuy khó khăn trong công tác GPMB nhưng công trình đạt yêu cầu hoàn thành năm 2020.

Do đặc thù hai dự án nêu trên đều là các dự án bố trí vốn để hoàn thành trong năm và quyết toán vào năm 2021 vì vậy số vốn còn dư sẽ được phép kéo dài sang năm 2021 để kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Sau khi thực hiện các khoản công nợ theo quyết định phê duyệt quyết toán phần vốn còn dư (bố trí cho dự phòng dự án) trả lại Ngân sách Nhà nước.

b. Vốn đầu tư phát triển nguồn vốn của Tổng công ty:

- Các Công ty CP Vận tải ĐS triển khai các dự án đầu tư toa xe chuyển tiếp từ năm 2019 để nâng cao chất lượng phương tiện và đáp ứng nhu cầu vận tải, dự

kiến hoàn thành trong quý I năm 2021 (hai dự án chuyển tiếp từ năm 2019 sang: Dự án đóng mới 100 toa xe H khổ đường 1000mm và dự án thiết kế đóng mới 50 toa xe hàng Mc45);

- Triển khai chuẩn bị đầu tư các dự án đóng mới toa xe huy động vốn từ nhà đầu tư trong và ngoài ngành; dự án lắp ráp đầu máy của Công ty Mẹ;

- Các dự án huy động vốn từ các nhà đầu tư cho sửa chữa, nâng cấp KCHT ĐS đều tạm dừng chờ phê duyệt Đề án quản lý, khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư theo Nghị định số 46/2018/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBQLV ngày 09/01/2020 của Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp phê duyệt kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2020 của Công ty Mẹ - TCT Đường sắt Việt Nam, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã triển khai Quyết định số 464/QĐ-ĐS ngày 07/7/2020 ban hành Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020 sử dụng nguồn vốn của Công ty mẹ để các đơn vị làm cơ sở thực hiện. Tuy nhiên do thiếu hụt dòng tiền và tiết giảm chi phí nên Tổng công ty đã cắt giảm nhiều hạng mục chỉ tập trung vào đầu tư một số hạng mục đảm bảo an toàn, nhu cầu tối thiểu phục vụ hành khách tại các ga và công tác sửa chữa đầu máy. Tổng công ty triển khai 20 dự án nhỏ lẻ với tổng mức đầu tư 7 tỷ đồng (bằng 9,1% kế hoạch vốn được phê duyệt).

II. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

(Các chỉ tiêu kế hoạch được tổng hợp trên cơ sở các chỉ tiêu Hội đồng thành viên giao cho Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty cổ phần năm 2021; kế hoạch của Công ty Mẹ trình Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp tại tờ trình số 1075/TTr-ĐS ngày 10/5/2021).

- Doanh thu hợp cộng: 6.596 tỷ đồng bằng 99% trở lên so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận sau thuế: -690 tỷ đồng bằng 52,0% trở lên so với cùng kỳ;
- Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách với nhà nước; phần đầu đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động;
- Nhiệm vụ trọng tâm:

Tập trung xây dựng kế hoạch SXKD của Tổng công ty năm 2021 và triển khai thực hiện hiệu quả đặc biệt chú trọng đến thúc đẩy sản xuất kinh doanh vận tải khi công bố hết dịch COVID-19. Xác định vận tải đường sắt là trung tâm, là sản phẩm cuối cùng của Ngành đường sắt, là sự sống còn của Công ty mẹ, tập trung mọi giải pháp để thúc đẩy kinh doanh vận tải.

Triển khai các giải pháp nhằm kiềm chế tai nạn giao thông, đẩy mạnh ứng dụng KHCN trong công tác đảm bảo ATGTĐS để giảm dần tai nạn GTĐS, phần

đầu giảm 5% so với năm 2020 trên cả 3 tiêu chí: Số vụ tai nạn, số người bị chết và số người bị thương.

Tiếp tục chủ động, tích cực giải trình với Chính phủ và các Bộ ngành để được phê duyệt Đề án quản lý, khai thác tài sản KCHTĐS do Nhà nước đầu tư theo Nghị định số 46/2018/NĐ-CP và giải quyết các vướng mắc khi xử lý chuyển tiếp. Thực hiện các nội dung của thỏa thuận hợp tác với các đối tác đầu tư nhằm cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng của hệ thống kết cấu hạ tầng không liên quan trực tiếp đến chạy tàu sau khi Đề án được phê duyệt.

Tiếp tục giải trình với Bộ GTVT, các Bộ, Ngành liên quan đề xuất với Chính phủ gói đầu tư trung hạn 2021 - 2025 và các nội dung liên quan đến Nghị định số 65/2018/NĐ-CP của Chính phủ về lộ trình thực hiện niên hạn của phương tiện giao thông đường sắt, nhằm tháo gỡ khó khăn khi Tổng công ty và các đơn vị vận tải chưa thể đầu tư thay thế phương tiện mới.

Tiếp tục phối hợp với Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp báo cáo, giải trình Thủ tướng Chính phủ các nội dung liên quan đến “Đề án cơ cấu lại Tổng công ty ĐSVN năm 2020, thực hiện 2021 - 2025”. Tổ chức triển khai các phương án sắp xếp đơn vị thành viên sau khi Đề án được duyệt; Tiếp tục sắp xếp tổ chức tinh gọn, hiệu quả từ Tổng công ty đến các đơn vị trực thuộc. Nâng cao công tác tổ chức, quản trị, điều hành thông qua hệ thống quy chế quản lý nội bộ và quy chế quản lý người đại diện phần vốn nhà nước đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế cho quản lý, bảo trì KCHT đường sắt, xây dựng phương án tác nghiệp kỹ thuật cầu đường, thi công cơ giới theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

Tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành liên quan và các Ban quản lý dự án (PMU Rail và Ban 85) để triển khai thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách sử dụng gói 7.000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng của kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đảm bảo đúng tiến độ và hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động vận tải.

Triển khai hiệu quả chủ trương xây dựng Chính phủ điện tử và chuyển đổi số trong toàn Tổng công ty.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

a. Nguồn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước:

- Tiếp tục làm việc với Bộ GTVT, Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp và các Bộ, Ngành liên quan để triển khai kế hoạch vốn cho năm 2021 cũng như kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và các năm tiếp theo;

- Tiếp tục triển khai các công trình nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường ngang năm 2020 theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ

tướng Chính phủ nếu được cấp có thẩm quyền chuyển kế hoạch vốn sang năm 2021;

- Phối hợp chặt chẽ các đơn vị liên quan để triển khai 4 dự án quan trọng, cấp bách sử dụng gói 7.000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng của kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đảm bảo tiến độ, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động vận tải.

b. Nguồn vốn của Tổng công ty (các dự án từ nhóm B trở lên):

Thực hiện các dự án chuyển tiếp năm 2020 với tổng mức đầu tư dự kiến 393,7 tỷ đồng gồm:

- Triển khai dự án đóng mới 200 toa xe hàng chuyển tiếp từ năm 2020 của Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội: 83,7 tỷ đồng;

- Dự án lắp ráp đầu máy của Công ty Mẹ: 40 tỷ đồng;

- Các dự án huy động vốn đầu tư từ các đối tác trong và ngoài ngành để đóng mới toa xe: 270 tỷ đồng.

c. Nguồn vốn xã hội hóa: Sau khi Đề án triển khai Nghị định số 46/2018/NĐ-CP được phê duyệt, tích cực hoàn thiện các thủ tục để triển khai các công trình theo thỏa thuận với các đối tác nhưng bị gián đoạn.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Về sản xuất kinh doanh:

a. Về cung cấp dịch vụ điều hành GTVT ĐS và dịch vụ hỗ trợ:

- Thực hiện tiếp chuyển Biểu đồ chạy tàu tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh cho các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt phục vụ vận tải dịp Tết nguyên đán Tân Sửu. Trong năm 2021, Tổng công ty sẽ triển khai phương án chạy tàu khách mới và tàu hàng cho phù hợp khi triển khai thực hiện thi công gói 7.000 tỷ. Phối hợp với các Công ty CP vận tải đường sắt tổ chức tốt việc xây dựng và triển khai kế hoạch ngày theo nhu cầu vận tải và sử dụng hiệu quả phương tiện;

- Tiếp tục nghiên cứu áp dụng các biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành dịch vụ điều hành GTVT như: Tiếp tục thực hiện giao khoán kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh năm 2021, hướng tới giao khoán cả quỹ tiền lương cho các đơn vị; Tiếp tục hiện đại hóa, đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý và điều hành giao thông vận tải đường sắt; Bổ sung, hoàn thiện các tính năng của phần mềm quản trị hàng hóa, hệ thống bán vé điện tử cho phù hợp với thực tế phát sinh để tạo thuận lợi cho các Công ty CP vận tải hoạt động.

b. Cung cấp sức kéo:

Tập trung khai thác đầu máy hiệu quả để giảm chi phí nhiên liệu góp phần giảm chi phí sức kéo và tuân thủ quy định về tác nghiệp đoàn tàu để đảm bảo an toàn chạy tàu. Tăng cường kiểm tra thông số kỹ thuật của các chi tiết cụm chi tiết đầu máy, triệt để tận dụng các chi tiết vẫn còn trong hạn độ cho phép để dùng cho cấp thấp hơn. Tiếp tục nghiên cứu phương án đầu tư hoặc thuê đầu máy để cung cấp đủ sức kéo cho vận tải mà vẫn đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty Mẹ.

c. Kinh doanh KCHTĐS không liên quan trực tiếp đến chạy tàu:

- Sau khi Đề án quản lý, sử dụng tài sản KCHTĐS quốc gia do nhà nước đầu tư theo Nghị định số 46/2018/NĐ-CP được phê duyệt, tích cực triển khai các hoạt động khai thác, kinh doanh hệ thống KCHTĐS do Tổng công ty quản lý. Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo trì, sửa chữa các tài sản cho thuê nhằm đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng tài sản cho thuê;

- Tiếp tục triển khai công tác xã hội hoá, thu hút các nguồn vốn đầu tư vào kết cấu hạ tầng đường sắt, đặc biệt đối với các đối tác có hoạt động hợp tác bị gián đoạn do vướng mắc khi xử lý chuyển tiếp Nghị định số 46/2018/NĐ-CP;

- Nghiên cứu, phát triển, đa dạng hóa dịch vụ hỗ trợ tại các ga để tăng doanh thu từ dịch vụ gia tăng ngoài vận tải; tích cực thực hiện các hạng mục phát triển dịch vụ quảng cáo.

d. Quản lý nguồn vốn sự nghiệp kinh tế và tài sản KCHTĐS:

- Tổ chức rà soát lại Công lệnh tốc độ, Công lệnh tải trọng trên các tuyến đường để thực hiện các giải pháp đầu tư nâng dần tốc độ, ban hành công lệnh tốc độ mới phù hợp với trạng thái KCHTĐS;

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào các vị trí cầu, đường từng khu gian, khu đoạn để nâng đồng đều về tốc độ và tải trọng chạy tàu, đảm bảo an toàn chạy tàu;

- Làm tốt công tác phòng chống lụt bão, kiểm tra gia cố công trình trước mùa mưa bão; kiểm tra các khu vực trọng điểm, các công trình xung yếu; dự phòng sẵn sàng vật tư, thiết bị để kịp thời ứng phó khi mưa bão ảnh hưởng đến KCHTĐS gây mất an toàn chạy tàu.

e. Về Vận tải:

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm, dịch vụ vận tải hàng hóa để bù đắp sản lượng vận tải hành khách bị sụt giảm do dịch COVID-19 và bị mất thị phần do hàng không giá rẻ, đường bộ cạnh tranh;

- Tích cực nghiên cứu triển khai các giải pháp hợp lý hóa sản xuất để giảm giá thành, giá cước nhằm thu hút khách hàng, từng bước nâng cao thị phần vận tải. Phân tích, nghiên cứu thị trường để lựa chọn đưa ra những sản phẩm dịch vụ

mới phù hợp với tuyến, khu đoạn và khai thác hiệu quả phương tiện vận chuyển đáp ứng nhu cầu về luồng hàng, luồng khách và đảm bảo hiệu quả kinh doanh;

- Tập trung giải quyết tình trạng đọng dỡ kéo dài tại khu vực trọng điểm, thực hiện nghiêm túc quy định về kỳ hạn chuyên chở, xếp dỡ và thu phí đọng xe để giảm thời gian quay vòng toa xe;

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác hành lý, hàng hóa nối theo tàu khách đặc biệt là trong các mùa thấp điểm các tàu còn chiều dài để tận thu. Tập trung phát triển dịch vụ vận chuyển vận chuyển hàng lẻ, bưu kiện từ nhà đến nhà theo hướng chuyên nghiệp hóa. Đẩy mạnh khai thác hàng hóa Liên vận quốc tế, chủ động tìm kiếm và khai thác nguồn hàng xuất, nhập khẩu vận chuyển giữa Việt Nam - Trung Quốc và đi các nước thứ 3. Tiến tới đưa hàng xuất khẩu sang Châu Âu, Nga...;

- Tăng cường phương án tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức và dịch vụ Logistic để khai thác nguồn lực của các chi nhánh; chú trọng đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật hỗ trợ kinh doanh vận tải ở hai đầu trong đó có hệ thống kho - kệ - bãi hàng, các thiết bị phục vụ xếp dỡ, phương tiện vận tải đường bộ phù hợp;

- Đẩy mạnh công tác truyền thông từ khâu đào tạo nhân lực đến tổ chức thực hiện, đảm bảo truyền thông và chăm sóc khách hàng phải quảng bá được sản phẩm của đơn vị một cách sâu rộng, hỗ trợ tối đa cho kinh doanh, đồng thời giải quyết thỏa đáng những thắc mắc của hành khách, đáp ứng tối đa những nhu cầu phát sinh sau khi sử dụng dịch vụ của Đường sắt, làm cho khách hàng tin tưởng và lựa chọn phương tiện đường sắt;

- Nghiên cứu, tính toán đầu tư, sửa chữa bổ sung toa xe thay thế toa xe hết niên hạn sử dụng trong giai đoạn 2020-2023 theo Nghị định số 65/NĐ-CP của Chính phủ.

g. Về quản lý, bảo trì KCHTĐS:

- Triển khai thực hiện hợp đồng đặt hàng quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia đảm bảo tiến độ, chất lượng, thi công đúng phương án tác nghiệp kỹ thuật được duyệt và thi công đúng với phương án tác nghiệp kỹ thuật được duyệt; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, từng bước nâng cao chất lượng cầu đường;

- Làm tốt công tác phòng chống lụt bão, chuẩn bị vật tư, thiết bị sẵn sàng ứng phó và khắc phục hậu quả bão lũ trong thời gian sớm nhất. Xiết chặt kỷ cương làm việc trong các hệ cầu đường, chắn đường ngang để giữ vững an toàn chạy tàu, an toàn lao động;

- Chủ động tiếp xúc với các đối tác ngoài ngành, chú trọng đến các gói thầu thuộc dự án 7.000 tỷ để mở rộng thị trường... đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chung đề ra. Nghiên cứu, cân đối nguồn vốn để đầu tư máy móc thiết bị thay thế lao động thủ công.

h. Về Công nghiệp và cơ khí:

- Bám sát các dự án thay thế toa xe hết niên hạn sử dụng, toa xe thanh lý ngay từ khi có chủ trương đầu tư để phối hợp triển khai thực hiện. Tăng cường áp dụng kỹ thuật công nghệ để tạo những bước tiến về chất lượng sản phẩm, bổ sung thiết bị kiểm tra, máy móc công cụ để đảm bảo tính công nghiệp, tính thống nhất và lắp lẫn đối với tất cả các sản phẩm xuất xưởng;

- Tích cực tìm hiểu, nghiên cứu nhu cầu sản phẩm cơ khí của các đơn vị trong và ngoài ngành để đa dạng hóa mặt hàng, mở rộng thị trường đặc biệt các gói thầu liên quan đến phân kết cấu dầm thép của Dự án 7.000 tỷ đồng đã triển khai trong năm 2020.

2. Về tài chính:

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty làm tốt vai trò trong việc định hướng doanh nghiệp theo mục tiêu đề ra năm 2021 của Tổng công ty. Chủ động, tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để góp phần cùng đơn vị mở rộng thị trường, củng cố thương hiệu Đường sắt Việt Nam, sử dụng hiệu quả vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp;

- Tập trung giải quyết dứt điểm những vướng mắc về tài chính của năm trước (thuế đất...).

3. Về thông tin, truyền thông:

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa hoạt động truyền thông của Tổng công ty để thông tin về hoạt động SXKD, các sản phẩm dịch vụ của Tổng công ty đến với khách hàng đầy đủ, nhanh chóng và chính xác đồng thời cho thấy vai trò của vận tải đường sắt trong sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước để tạo được sự quan tâm ủng hộ từ Chính phủ, các cấp Bộ ngành và thu hút nhà đầu tư cho phát triển KCHTĐS;

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả công tác tuyên truyền cho CBCNV trong ngành về các chế độ, chính sách có liên quan. Chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

4. Về nguồn nhân lực:

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch giáo dục, đào tạo năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để củng cố và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đánh giá kết quả thực hiện đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực giai đoạn từ năm 2013 đến 2020;

- Tiếp tục nghiên cứu khảo sát, triển khai xây dựng phần mềm Quản trị nhân sự của Tổng công ty để nâng cao chất lượng, hiệu suất, hiệu quả trong lĩnh vực tổ chức quản trị nhân sự, lao động và tiền lương của Công ty Mẹ.

5. Về khoa học công nghệ:

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thông tin vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh để nâng cao chất lượng dịch vụ, năng suất lao động. Ban hành và từng bước triển khai Đề án “Ứng dụng KHCN trong Tổng công ty giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Ứng dụng có hiệu quả “Trục liên thông văn bản Ủy ban Quản lý vốn” và “Trục liên thông văn bản Chính phủ”; mở rộng đối tượng sử dụng phần mềm quản lý văn bản và chữ ký số để khai thác hiệu quả phần mềm E-office, giảm thiểu văn bản giấy, tiến tới xây dựng văn phòng điện tử trong Tổng công ty theo chủ trương của Chính phủ.

6. Về quản lý điều hành:

- Triển khai kịp thời kế hoạch SXKD các mặt, kế hoạch các nguồn vốn và chương trình, nhiệm vụ các lĩnh vực công tác của Tổng công ty năm 2021. Giám sát, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch để kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Xiết chặt kỷ cương, lề lối làm việc trong tất cả các đơn vị để nâng cao trách nhiệm, vai trò của CBCNV trong việc phát triển đơn vị nói riêng và Tổng công ty nói chung;

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong các lĩnh vực (nếu có) theo quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Tăng cường công tác kiểm tra, đưa nội dung phòng chống tham nhũng vào kế hoạch kiểm tra nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được minh bạch, hiệu quả, giảm thiểu nguy cơ tham nhũng, góp phần tăng cường pháp chế, tôn trọng và triệt để thực hiện pháp luật;

- Tăng cường giám sát thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và an sinh xã hội; tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết trong các cơ quan, đơn vị từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, liên kết để thu hút người lao động;

- Kiểm soát vệ sinh ATTP, vệ sinh ga tàu đảm bảo sức khỏe cho hành khách đi tàu. Tăng cường công tác phòng chống dịch theo mùa, dịch phát sinh trong mùa mưa bão; sẵn sàng dập dịch và khắc phục hậu quả lũ lụt.

7. Về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

- Tiếp tục siết chặt và giữ vững: Nền nếp - Kỷ cương - Kỷ luật về công tác đảm bảo ATGTĐS. Luôn đảm bảo phương châm “Chủ động phòng ngừa, kịp thời ứng phó” trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ công tác đảm bảo TTATGTĐS.

Triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp đảm bảo ANTT, ATGTĐS từ Tổng công ty đến các đơn vị;

- Đổi mới, linh hoạt, kiên trì và tập trung duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo ATGTĐS bằng các hình thức từ Tổng công ty đến các đơn vị cơ sở. Chú trọng kiểm tra đột xuất, trong đó cần rà soát, xác định những điểm nóng, trọng điểm dễ xảy ra nguy cơ mất an toàn, để bố trí tăng cường kiểm tra, nhất là các lĩnh vực hay xảy ra tai nạn, sự cố trong thời gian vừa qua. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm, tái vi phạm;

- Tiếp tục rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế, quy trình liên quan đến công tác ANTT, ATGTĐS phù hợp với luật pháp, Luật Đường sắt, các văn bản dưới luật; tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị;

- Duy trì công tác thường trực, bảo trì phương tiện, thiết bị cứu hộ, khả năng cơ động, sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có yêu cầu. Đầu tư, mua sắm, bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ cho các tổ cứu hộ trên các tuyến ĐS. Triển khai ứng dụng các đề tài đã được nghiệm thu vào thực tiễn để tăng cường đảm bảo ATGTĐS;

- Tiếp tục đổi mới và tăng cường phối hợp với các cơ quan truyền thông, cơ quan chức năng để tuyên truyền về các quy định của pháp luật về đảm bảo ANTT, ATGTĐS. Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào thi đua xây dựng đơn vị “Chính quy - Văn hóa - An toàn” và các phong trào do các tổ chức đoàn thể phát động liên quan đến ANTT, ATGTĐS. Tiếp tục phối hợp với các địa phương duy trì, nhân rộng đảm bảo hoạt động hiệu quả của các điểm cảnh giới tại các vị trí giao cắt hiện có; rà soát, tổ chức cảnh giới đảm bảo ATGT tại các vị trí có nguy cơ cao xảy ra tai nạn GTĐS trong các đợt vận tải cao điểm.

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

PHỤ LỤC VII

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

MST: 0100105052

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
					CPH						Các hình thức khác				
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	Tổng công ty Đường sắt VN	x											100%		
A	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)														
B	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)														
1	Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội	x											91,62	Hợp nhất	
2	Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn	x											78,44	Hợp nhất	
3	Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	x											77,37	Giữ nguyên	
4	Công ty CP Xe lửa Dĩ An	x											86,85	Giữ nguyên	
5	Công ty CP Đường sắt Yên Lào	x											51	Giữ nguyên	
6	Công ty CP Đường sắt Vĩnh	x											51	Giữ	

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
					CPH						Các hình thức khác				
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Phú													nguyên	
7	Công ty CP Đường sắt Hà Lang	x											51	Giữ nguyên	
8	Công ty CP Đường sắt Hà Thái	x											51,63	Giữ nguyên	
9	Công ty CP Đường sắt Hà Hải	x											51	Giữ nguyên	
10	Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	x											51	Giữ nguyên	
11	Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	x											51	Giữ nguyên	
12	Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	x											51	Giữ nguyên	
13	Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	x											51	Giữ nguyên	
14	Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	x											51	Giữ nguyên	
15	Công ty CP Đường sắt QN-ĐN	x											51	Giữ nguyên	
16	Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	x											51	Giữ nguyên	
17	Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	x											51	Giữ nguyên	
18	Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	x											64,5	Giữ nguyên	
19	Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	x											51	Giữ nguyên	
20	Công ty CP TTTH ĐS Bắc Giang	x											51	Giữ nguyên	

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
					CPH						Các hình thức khác				
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
21	Công ty CP TTTH ĐS Hà Nội	x											51	Giữ nguyên	
22	Công ty CP TTTH ĐS Vinh	x											51	Giữ nguyên	
23	Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	x											51	Giữ nguyên	
24	Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	x											75,77	Giữ nguyên	
25	Công ty CP đá Đồng Mô	x											51	Giữ nguyên	
C	Các công ty liên kết (cấp 2)														
1	CTCP Đá Mỹ Trang	x											44,44%	Giữ nguyên	
2	CTCP dịch vụ đường sắt KV1			x									40,00%	Thoái vốn	
3	CTCP khách sạn Hải Vân Nam			x									2,88%	Thoái vốn	
4	CTCP TV ĐT&XD C.trình 1			x									37,75%	Thoái vốn	
5	CTCP viễn thông - tín hiệu ĐS			x									6,05%	Thoái vốn	
6	CTCP Vĩnh Nguyên			x									17,67%	Thoái vốn	
7	CTCP XD công trình Đà Nẵng			x									29,67%	Thoái vốn	
8	CTCP TVĐT & XD GTVT			x									4,93%	Thoái vốn	
9	CTCP công trình 6			x									15,89%	Thoái vốn	
10	CTCP ĐT & XD công trình 3			x									24,67%	Thoái vốn	

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
					CPH						Các hình thức khác				
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
11	CTCP tư vấn ĐT & XDĐS			x									20,00%	Thoái vốn	
12	CTCP ĐTPT HT và đô thị ĐS			x									20,00%	Thoái vốn	
13	CTCP đầu tư & xây dựng GTVT			x									1,22%	Thoái vốn	
14	CTCP vận tải & thương mại ĐS	x											24,16%	Giữ nguyên	
15	CTCP in đường sắt Sài Gòn			x									33,59%	Thoái vốn	
16	Công ty TNHH2TV KSTM SG	x											50.00%	Giữ nguyên	

Phụ lục X
BÁO CÁO CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG,
TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP
ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
MST: 0100105052

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2021

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

1.1. Việc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động, người quản lý của doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định.

- Nghị định 51/2016/NĐ - CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Nghị định 52/2016/NĐ - CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Thông tư số 97/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban

kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

1.2. Tổng công ty đã xây dựng, ban hành hệ thống quy chế phân phối tiền lương, nhu nhập đầy đủ. Quy trình xây dựng quy chế đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch có sự tham gia góp ý kiến của Công đoàn ĐSVN.

- Việc phân phối tiền lương của người lao động trong doanh nghiệp: Căn cứ khối lượng công việc, năng suất lao động và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của đơn vị;

- Việc phân phối tiền lương của Người quản lý: Căn cứ vào Quỹ tiền lương được chủ sở hữu phê duyệt, phân phối cho người quản lý theo mức độ đánh giá hoàn thành chất lượng công việc.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng doanh nghiệp.

Biểu báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Doanh nghiệp năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020	
			Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
I	Hạng công ty được xếp		Đặc biệt	Đặc biệt	Đặc biệt
II	Tiền lương của lao động				
1	Lao động	Người	7.122,92	7.200	6.842,17
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	8.230	7.350	7.299,76
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	704.000	635.079	599.354
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng			
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng			
III	Tiền lương của người quản lý doanh nghiệp				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	9,92	9,95	9,95
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr. đồng/tháng	29,31	29,68	29,68
3	Quỹ tiền lương	Tr. đồng	2.728,8	1.355,27	1.355,27
4	Mức tiền lương bình quân	Tr. đồng/tháng	22,92	11,35	11,35
5	Quỹ thù lao	Tr. đồng			
6	Mức thù lao bình quân	Tr. đồng/tháng			
7	Tiền thưởng, thu nhập	Tr. đồng			
8	Mức thu nhập bình quân của NQL	Tr.đồng/tháng			

Ghi chú: Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 là số tạm tính, số chính thức sau khi có ý kiến của chủ sở hữu Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng:

Trong những năm qua, sự đầu tư mới và nguồn vốn dành cho bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt của Nhà nước còn rất thấp so với nhu cầu thực tế; người lao động của VNR làm việc trong điều kiện lao động rất vất vả, yêu cầu trách nhiệm công việc cao, tiền lương thu nhập thấp so với mặt bằng xã hội, khó trang trải cuộc sống. Việc duy trì, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động bình ổn qua các năm là yếu tố quan trọng đặc biệt để đảm bảo nhân lực sản xuất kinh doanh của ngành, tránh đối mặt với tình trạng lao động bỏ việc hàng loạt, doanh nghiệp gặp khó khăn khi phải duy trì lao động cần thiết đảm bảo an toàn chạy tàu.

- Đề xuất, kiến nghị về chính sách tiền lương, tiền thưởng: Không.

